|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:** TH&THCS Chiềng Ơn**Tổ:** THCS | **Họ và tên giáo viên:** Nguyễn Thị Quy |

**BÀI 18 - THUỶ QUYỂN VÀ VÒNG TUẦN HOÀN LỚN CỦA NƯỚC**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Địa lí; Lớp: 6A,B

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**Yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018:**

* Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.
* Trình bày được vòng tuần hoàn lớn của nước.

**1. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

**-** Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa lí**

- Sử dụng biểu đồ để biết các thành phần của thuỷ quyển.

- Biết sử dụng sơ đố để mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước.

**2. Về phẩm chất**

**-** Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước.

- Tôn trọng các quy luật tự nhiên trong thuỷ quyển.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Sơ đồ tuần hoàn nước và biểu đồ thành phần của thủy quyển.

- Các hình ảnh, video vế thuỷ quyển, vòng tuần hoàn của nước.

- Phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Phiếu học tập,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh hiểu được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Sử dụng tình huống mở đầu bài học trong SGK để tạo ra một cuộc thảo luận nhỏ cho HS về những nơi có nước trên Trái Đất:

A: Nước có ở sông, hồ, ao, biển.

B: Cậu nói đúng, nhưng vẫn còn thiếu.

*? Theo em nước còn có nơi nào nữa?*

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

**GV:** Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới.

**2- Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.**

**Hoạt động 1 - Thủy quyển**

**(10’)**

**a. Mục tiêu:**

- Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Yêu cầu HSđọc thông tin trong SGK, hoạt động cá nhân và trả lời các câu hỏi sau:

*? Thuỷ quyển là gì? Thuỷ quyển có vai trò như thế nào đối với con người?*

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

- Thuỷ quyển là toàn bộ lớp nước bao quanh Trái Đất, nằm trên bề mặt và bên trong chiều dày của vỏ Trái Đất.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**GV:** Yêu cầu HSquan sát hình 1, hoạt động nhóm nhỏ và trả lời các câu hỏi sau:



*- Kể tên các thành phần chủ yếu của thủy quyển.*

*- Cho biết nước ngọt tồn tại dưới những dạng nào? Nêu tỉ lệ của từng dạng.*

**GV:** Hướng dẫn HS cách đọc biểu đồ phân bố nước trên Trái Đất theo trình tự đọc từ trên xuống: Biểu đồ tròn đầu tiên thể hiện tổng lượng nước trên Trái Đất chia thành nước mặn và nước ngọt, chú ý quan sát tỉ lệ của từng loại để đưa ra nhận xét; biểu đồ thứ 2 từ trên xuống là thể hiện thành phần tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất được chia thành nước dưới đất, băng, nước mặt và nước khác.

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

+ Thành phần chủ yếu của thuỷ quyển: nước mặn (97,5%) và nước ngọt (2,5%). Nước mặn chủ yếu có ở biển, đại dương,...; nước ngọt có ở: băng, nước dưới đất, hồ, sông, khí quyển,...

+ Tỉ lệ giữa các thành phần trong nước ngọt: Nước ngọt chiếm 2,5% thuỷ quyển, trong đó 30,1% là nước dưới đất, 68,7% là băng và 1,2% là nước mặt và nước khác.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**Thành phần chủ yếu của thuỷ quyển: nước mặn (97,5%) và nước ngọt (2,5%). Nước mặn chủ yếu có ở biển, đại dương,...; nước ngọt có ở: băng, nước dưới đất, hồ, sông, khí quyển,...**

**GV:** Yêu cầu HS đọc phần "Em có biết?" để HS biết được tầm quan trọng của nước ngọt và có ý thức bảo vệ nguồn nước ngọt ngày càng suy giảm về chất lượng.

**Hoạt động 2 - Vòng tuần hoàn lớn của nước**

**(20’)**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được vòng tuần hoàn lớn của nước.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Yêu cầu HSđọc thông tin trong SGK, hoạt động cá nhân và trả lời các câu hỏi sau:

*? Nhận xét về đặc tính của nước trong thiên nhiên?*

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

- Nước trong thiên nhiên không ngừng vận động và chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**GV:** Yêu cầu HSquan sát hình 2, hoạt động cặp đôi và trả lời các câu hỏi sau:

*- Cho biết nước mưa rơi xuống bề mặt Trái Đất sẽ tồn tại ở những đâu?*

*- Mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước.*

**GV:** Hướng dân HS cách đọc sơ đồ: Trước tiên cần nhìn bao quát sơ đồ bao gồm những yếu tố gì? Sau đó, tìm ra vị trí đối tượng xuất phát của sơ đồ (bởi đầy là sơ đồ thể hiện vòng tuần hoàn). Nơi xuất phát của vòng tuần hoàn là sự bốc hơi, thoát hơi của nước từ bề mặt Trái Đất thành dạng hơi vào trong khí quyển.

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

+ Nước mưa rơi xuống bế mặt đất tồn tại ở: trong đất, ở sông, hồ,... đại dương, nước ngầm.

+ Sự vận động của nước trong thuỷ quyển: trong sông, hồ, biển, đại dương nước ở trạng thái lỏng. Tuy nhiên, nước luôn luôn bốc hơi hoặc thăng hoa (băng) ở mọi nhiệt độ tạo thành hơi nước trong khí quyển. Ở mọi nơi trong tầng thấp của khí quyển luôn luôn có hơi nước. Khi bốc hơi lên cao gặp lạnh, hơi nước chuyển sang trạng thái lỏng hoặc rắn (mưa, tuyết). Nước mưa rơi xuống bề mặt đất tồn tại ở đại dương, sông, hồ,... ngấm xuống đất tạo thành nước ngầm và độ ẩm trong đất.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**Sự vận động của nước trong thuỷ quyển: trong sông, hồ, biển, đại dương nước ở trạng thái lỏng. Tuy nhiên, nước luôn luôn bốc hơi hoặc thăng hoa (băng) ở mọi nhiệt độ tạo thành hơi nước trong khí quyển. Ở mọi nơi trong tầng thấp của khí quyển luôn luôn có hơi nước. Khi bốc hơi lên cao gặp lạnh, hơi nước chuyển sang trạng thái lỏng hoặc rắn (mưa, tuyết). Nước mưa rơi xuống bề mặt đất tồn tại ở đại dương, sông, hồ,... ngấm xuống đất tạo thành nước ngầm và độ ẩm trong đất.**

**GV:** Gọi một số HS lên bảng, dựa vào hình sơ đồ vòng tuần hoàn lớn của nước đề mô tả lại vòng tuần hoàn của nước.

**3- Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho học sinh.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

*? Nước trong các sông, hồ có tham gia vào vòng tuần hoàn lớn của nước không? Vì sao?*

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

Nước trong các sông, hồ có tham gia vào vòng tuần hoàn lớn của nước. Tham gia vào các giai đoạn:

- Bốc hơi: nước từ sông, hồ bốc hơi vào khí quyển.

- Sông, hồ là nơi chứa nước mưa.

- Nước sông, hồ, chảy ra biển, hoặc ngấm xuống đất thành nước ngầm.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**4- Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng tìm hiểu thực tế có liên quan đến bài học hôm nay.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

*? Nguồn nước ngọt ở Việt Nam đang suy giảm về số lượng và bị ô nhiễm nghiêm trọng. Em hãy tìm hiểu và cho biết, tình trạng đó dẫn đến hậu quả gì?*

GV: Hướng dẫn HS tìm kiếm thông tin để hoàn thiện yêu cầu.

**HS:** Thực hiện tìm kiếm thông tin tại nhà và chuẩn bị nội dung báo cáo vào đầu tiết học sau.

**GV:** Đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:** TH&THCS Chiềng Ơn**Tổ:** THCS | **Họ và tên giáo viên:** Nguyễn Thị Quy |

**BÀI 20 - SÔNG VÀ HỒ. NƯỚC NGẦM VÀ BĂNG HÀ**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Địa lí; Lớp: 6A,B

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**Yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018:**

* Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn. Mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.
* Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.
* Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

**1. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

**-** Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa lí**

- Đọc được mô hình hệ thống sông.

- Sử dụng được các hình ảnh để nhận xét và giải thích một vấn đề cần tìm hiểu.

**2. Về phẩm chất**

**-** Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ nước sông, hổ, nước ngầm và băng hà.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Mô hình hệ thống sông.

- Sơ đồ sự hình thành nước ngầm.

- Các hình ảnh, sơ đồ, video về sông, hồ, nước ngầm, băng hà và việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.

- Phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Phiếu học tập,....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh hiểu được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Yêu cầu HS dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi:

*? Vai trò của sông, hồ, nước ngầm ở địa phương đối với bản thân và gia đình. Sông, hồ ở địa phương đang ở tình trạng nào?*

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

**GV:** Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới.

**2- Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.**

**Hoạt động 1 - Sông, hồ**

**a. Mục tiêu:**

- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn. Mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.

- Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**a. Sông**

**GV:** Yêu cầu HSđọc thông tin trong SGK, hoạt động cá nhân và trả lời các câu hỏi sau:

*?* *Theo em thế nào là một con sông?*

*? Thế nào là lưu vực sông?*

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

+ Sông là dòng nước chảy thường xuyên tương đối lớn trên bề mặt lục địa, được các nguồn nước mưa, nước ngầm, nước băng tuyết tan nuôi dưỡng.

+ Mỗi con sông có một vùng đất cung cấp nước thường xuyên cho nó gọi là lưu vực sông.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**GV:** Yêu cầu HSđọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1, em hãy:

*? Mô tả các bộ phận của một dòng sông lớn?*



*? Xác định trên hình 1: lưu vực sông, dòng sông chính, phụ lưu, chi lưu.*

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

- Các bộ phận của một dòng sông lớn: sông chính, phụ lưu và chi lưu.

+ Phụ lưu: sông đổ vào sông chính.

+ Chi lưu: sông thoát nước cho sông chính.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**- Các bộ phận của một dòng sông lớn: sông chính, phụ lưu và chi lưu.**

**+ Phụ lưu: sông đổ vào sông chính.**

**+ Chi lưu: sông thoát nước cho sông chính.**

**GV:** Ranh giới các hệ thống sông khác nhau là sườn của các dãy núi mà được gọi là đường chia nước.

**GV:** Yêu cầu HSđọc thông tin trong SGK và hoạt động nhóm nhỏ, hãy hoàn thành Phiếu học tập sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguồn cấp nước** | **Đặc điểm mùa lũ** |
|  |  |
|  |  |

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguồn cấp nước** | **Đặc điểm mùa lũ** |
| Chủ yếu từ nước mưa | Mùa lũ trùng với mùa mưa |
| Chủ yếu từ tuyết tan | Mùa lũ trùng với mùa xuân |
| Chủ yếu từ băng tan | Mùa lũ vào đầu mùa hạ |
| Nhiều nguồn cấp | Phức tạp, có nhiều mùa lũ |

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**- Với những sông có nguồn cung cấp nước chủ yếu từ mưa thì mùa lũ trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô. Với những sông có nguồn cung cấp nước chủ yếu là tuyết tan thì mùa lũ trùng với mùa xuân, còn những sông có nguồn cung cấp nước chủ yếu từ băng tan thì mùa lũ vào đầu mùa hạ.**

**- Những sông có nhiều nguồn cung cấp nước khác nhau thì mùa lũ phức tạp hơn.**

**GV**: Đất nước ta là đất nước có lượng mưa lớn, có mạng lưới sông suối dày đặc, chế độ nước sông với 2 mùa: mùa lũ và mùa cạn. Do đặc điểm chế độ mưa ở nước ta có một mùa mưa, trong mùa mưa thường có đợt mưa rất lớn do bão làm nước sông dâng cao, gây lũ lớn, nước nhiều khi tràn bờ, gây ngập lụt. Thiên tai do lũ là một thiên tai thường xuyên và rất nguy hiểm đối với của cải, vật chất và tính mạng con người.

**GV:** Yêu cầu HS đọc phần "Em có biết" và giới thiệu về nguồn gốc của một số hồ nổi tiếng ở Việt Nam như: Hồ Tây là hổ móng ngựa hình thành từ khúc uốn của sông Hồng; hồ Ba Bể hình thành do nguyên nhân đứt gãy địa chất; Biển Hồ hình thành từ miệng núi lửa. Đó là các hồ có nguồn gốc tự nhiên, ngoài ra còn có những hồ rấtlớn do con người tạo ra như hồ thuỷ điện Hoà Bình, hổ Kẻ Gỗ,...

**b. Sử dụng tổng hợp nước sông, hồ**

**GV:** Yêu cầu HSđọc thông tin trong SGK, quan sát hình 2, hoạt động nhóm nhỏ và trả lời các câu hỏi sau:

*1. Em hãy cho biết nước sông, hồ có vai trò như thế nào đối với đời sống và sản xuất.*

*2. Đọc thông tin trong mục b, quan sát hình 2 và dựa vào hiểu biết của em, hãy cho biết việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ có thể mang lại những lợi ích gì. Nêu ví dụ.*

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

- Vai trò của nước sông, hồ đối với đời sống và sản xuất:

+ Phát triển giao thông, du lịch;

+ Nước sinh hoạt;

+ Tưới tiêu;

+ Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản;

+ Làm thủy điện.

- Lợi ích của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ:

+ Mang lại hiệu quả kinh tế cao;

+ Hạn chế lãng phí nước;

+ Góp phần bảo vệ tài nguyên nước.

- Ví dụ: Hồ thủy điện Sơn La được khai thác, sử dụng tổng hợp với nhiều mục đích: cung cấp điện (thủy điện), phòng chống lũ cho Đông bằng sông Hồng, cung cấp nước tưới cho nông nghiệp, giao thông, du lịch, nuôi trông thủy sản.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**- Vai trò của nước sông, hồ đối với đời sống và sản xuất: Phát triển giao thông, du lịch; cung cấp nước sinh hoạt; phục vụ tưới tiêu; đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; làm thủy điện.**

**- Lợi ích của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ: Mang lại hiệu quả sử dụng nước cao nhất, hạn chế sự lãng phí nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước.**

**Hoạt động 2 - Nước ngầm (nước dưới đất)**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Yêu cầu HSđọc thông tin trong SGK, quan sát hình 3, hoạt động cặp đôi và trả lời các câu hỏi sau:



*1. Dựa vào hình 3, em hãy cho biết nước ngầm được hình thành như thế nào.*

*2. Nước ngầm chủ yếu được sử dụng vào mục đích gì?*

*3. Nêu một số biện pháp sử dụng hợp lí và bảo vệ nước ngầm.*

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

- Nước ngầm được hình thành từ nước mưa, nước sông, hồ,... thấm xuống đất.

- Nước ngầm chủ yếu được sử dụng vào mục đích: sinh hoạt và nước tưới.

- Một số biện pháp sử dụng hợp lí và bảo vệ nước ngầm:

+ Không xả chất thải trực tiếp vào nguồn nước;

+ Hạn chế tối đa sử dụng hóa chất;

+ Sử dụng tiết kiệm nước;

+ Không sử dụng chất thải tươi làm phân bón,...

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**Nước ngầm là nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước tưới quan trọng trên thế giới. Nước ngầm góp phần ổn định dòng chảy của sông, ngòi. Đồng thời cố định các lớp đất đá bên trên, ngăn chặn sự sụt lún.**

**Hoạt động 3 - Băng hà (sông băng)**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được tầm quan trọng của nước băng hà.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Yêu cầu HSđọc thông tin trong SGK, xem video về băng hà trên thế giới, hoạt động cá nhân và trả lời các câu hỏi sau:

*? Băng hà là gì? Băng hà có ở những đâu? Băng hà có vai trò như thế nào?*

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

+ Băng hà là các khối băng di chuyển rất chậm trên bề mặt lục địa do tác động của trọng lực.

+ Trên Trái Đất 10% diện tích lục địa bao phủ bởi băng hà. (99% khối lượng băng nằm ở châu Nam Cực và Grơn-len, 1 % nằm trong các sông băng rải rác trên núi cao của các lục địa.)

+ Băng hà góp phần điều hoà nhiệt độ trên Trái Đất. Cung cấp nước cho các dòng sông. Là nguồn nước ngọt lớn của Trái Đất.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**Băng hà góp phần điều hoà nhiệt độ trên Trái Đất. Cung cấp nước cho các dòng sông. Là nguồn nước ngọt lớn của Trái Đất.**

**3- Hoạt động: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố các kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho học sinh.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

*? Em hãy kể tên các nguồn nước ngọt quan trọng trên Trái Đất và tầm quan trọng của chúng đối với con người?*

**GV:** Quan sát và hỗ trợ HS.

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ.

**HS:** Báo cáo kết quả thảo luận, nhận xét, bổ xung.

- Nguồn nước ngọt quan trọng trên Trái Đất bao gồm: nước ngầm, băng hà, sông, hồ,...

- Vai trò của nước ngọt: cung cấp nước sinh hoạt cho con người, cung cấp nước cho quá trình sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, là điều kiện bắt buộc cho sự tồn tại của con người cũng như mọi sự sống trên Trái Đất.

**GV**: Nhận xét, bổ xung, đánh giá, chốt kiến thức.

**4- Hoạt động: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng tìm hiểu thực tế có liên quan đến bài học hôm nay.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**GV:** Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

*? Thu thập thông tin và cho biết trong các sông: sông Đà, sông Luộc, sông Đuống, sông Lô, sông nào là phụ lưu, sông nào là chi lưu của sông Hồng?*

*? Việc khai thác nước ngầm vượt quá giới hạn cho phép sẽ gây ra hậu quả như thế nào?*

GV: Hướng dẫn HS tìm kiếm thông tin để hoàn thiện yêu cầu.

**HS:** Thực hiện tìm kiếm thông tin tại nhà và chuẩn bị nội dung báo cáo vào đầu tiết học sau.

**GV:** Đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.